

Số: 43 /QĐ-THCSLTK

Hải Châu, ngày 06 tháng 03 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2022  
của Trường THCS Lý Thường Kiệt**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ vào quyết định số 261/QĐ-UBND ngày 26/12/2022 của UBND Hải Châu về việc giao dự toán ngân sách năm 2023 cho Trường THCS Lý Thường Kiệt;

Xét đề nghị của kế toán nhà trường,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2022 của trường THCS Lý Thường Kiệt (theo các biểu đính kèm)

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Kế toán nhà trường và các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Cơ quan tài chính cùng cấp;
- Đơn vị dự toán cấp trên;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Lưu :VT, KT.

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
  
Nguyễn Thị Minh

Biểu số 4 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 /2018/TT-BTC  
ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

**TRƯỜNG THCS LÝ THƯỜNG KIỆT**

Chương: 622

**QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022**

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị  
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: 1000 đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
<b>A</b>	<b>Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
<b>I</b>	<b>Số thu phí, lệ phí</b>				
1	Lệ phí				
2	Học phí			0	
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại</b>				
<b>1</b>	<b>Chi sự nghiệp Giáo dục đào tạo</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
<b>2</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
<b>III</b>	<b>Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		
<b>1</b>	<b>Lệ phí</b>				
2	Học phí	0	0		
<b>B</b>	<b>Quyết toán chi ngân sách nhà nước</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>I</b>	<b>Nguồn ngân sách trong nước</b>			<b>0</b>	<b>0</b>
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
<b>2</b>	<b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
<b>3</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>	<b>14,928,991</b>	<b>14,928,991</b>	<b>0</b>	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	14,448,615	14,448,615	0	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	480,376	480,376	0	

Hải Châu, ngày tháng năm 2023

